

# CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ TÍN DỤNG: Một trong những thành công của cuộc cải cách tài chính ở Nhật Bản hiện nay

TS. TRẦN QUANG MINH

*Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản*

Về phương diện nào đó có thể nói rằng các hoạt động tài chính, nhất là việc cho vay và mua bán chứng khoán là những công việc mang tính rủi ro cao. Chính vì vậy mà việc nắm vững khả năng tài chính và khả năng kinh doanh của những người đi vay, hay những người phát hành chứng khoán là rất quan trọng trong công tác quản lý tín dụng của các cơ quan tài chính. Chính những sai lầm của các ngân hàng Nhật Bản vào cuối những năm 1980 trong việc cho vay quá mức mà không tính toán đầy đủ đến những rủi ro có thể xảy ra đã để lại hậu quả nghiêm trọng, cho chính họ nói riêng và cho toàn bộ nền kinh tế Nhật Bản nói chung, trong suốt những năm kể từ đầu thập kỷ 90 đến nay. Với một khối lượng lớn những khoản nợ khó đòi mà không dễ gì có thể giải quyết được trong những năm trước mắt, hệ thống tài chính Nhật Bản vẫn đang phải đương đầu với rất nhiều khó khăn và thách thức.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, dưới tác động của các phương trình cải cách kinh tế của chính phủ Nhật Bản,

đặc biệt là cải cách tài chính "Big Bang", các cơ quan tài chính Nhật Bản đã rất chú trọng đến việc cải thiện và nâng cao chất lượng công tác quản lý tín dụng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra, và đã đạt được những tiến bộ rất đáng khích lệ. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đề cập đến một số khía cạnh chủ yếu trong việc cải thiện chất lượng quản lý tín dụng của các cơ quan tài chính ở Nhật Bản.

*Thứ nhất*, dưới tác động của chương trình cải cách tài chính, hệ thống quản lý rủi ro thị trường đã được thiết lập ở hầu hết các cơ quan tài chính Nhật Bản. Theo hệ thống này, việc đánh giá những rủi ro tín dụng có thể xảy ra bằng cách lượng hoá các rủi ro và sử dụng các chỉ số để tính toán mức độ của chúng đã được thực hiện khá thuận lợi. Vì thế, trước mỗi hoạt động đầu tư (cho vay hoặc mua bán chứng khoán...) các cơ quan tài chính có thể tiến hành phân tích những khả năng rủi ro và kiểm tra thực lực của các đối tác để có những quyết định đầu tư chính xác. Điều này được thể hiện rõ nhất trong hoạt động của các ngân hàng.

Phần lớn các ngân hàng Nhật Bản trong những năm gần đây đã lấy giá trị thị trường làm tiêu chí để thực hiện các hoạt động kinh doanh. Họ đã thiết lập được các hệ thống tập trung vào giá trị thị trường và sử dụng chúng trong việc đánh giá và theo dõi những rủi ro. Những chỉ số cơ bản đã được sử dụng là BPV (Basic Point Value) và VAR (Value at Risk). Sự chuyển hướng này của các ngân hàng phản ánh sự đầu tư tích cực hơn của họ vào thị trường chứng khoán do sự uể oải trong hoạt động cho vay và việc thực hiện hệ thống tính toán theo điểm trên thị trường (mark-to-market). Hệ thống này được thực hiện theo luật kể từ năm tài chính 2001.

Theo hệ thống tính toán này, các ngân hàng đã sử dụng phương pháp định lượng sự rủi ro bằng cách đặt ra những giả định thích hợp và phân tích kỹ những rủi ro đã được giả định. Các số liệu điều tra của Ngân hàng trung ương Nhật Bản đã cho thấy số lượng các ngân hàng sử dụng phương pháp này ngày càng tăng. Hơn nữa, phần lớn những rủi ro được lượng hoá có liên quan đến các hệ thống máy vi tính và việc chuyển giao hoạt động cho các công ty khác. Điều này là do: (1) Sự phức tạp ngày càng tăng của những rủi ro nảy sinh từ những tiến bộ công nghệ và sự phi điều chỉnh tài chính; (2) Sự cần thiết của việc tăng hiệu quả quản lý kinh doanh; và (3) Sự tiến bộ theo hướng hoàn thiện Hiệp định vốn Basel (Basel Capital Accord) mới.

Bằng cách thực hiện phương pháp này, các ngân hàng đã có thể thiết lập được mạng lưới quản lý rủi ro có hiệu quả mà trong đó những rủi ro có thể được so sánh trên cơ sở số lượng, và hạn chế được các rủi ro có thể xảy ra nhờ việc phân phối

vốn cho mỗi đơn vị kinh doanh phù hợp với quy mô và bản chất của những rủi ro có thể có. Những khung khổ cho việc lượng hoá các rủi ro đã được thiết lập một cách khá vững chắc, và các dữ liệu để phân tích cũng được tích lũy ngày càng nhiều. Một số ngân hàng thậm chí đã tiến xa hơn trong việc tính toán những thiệt hại lớn nhất có thể có dựa trên cơ sở những ước tính về sự phân phối thiệt hại. Các ngân hàng khác thì thực hiện việc lượng hoá các rủi ro bằng cách phân tích các kịch bản có thể có dựa vào những kinh nghiệm về sự tổn thất đã từng xảy ra. Những khung khổ quản lý rủi ro này đã và đang được phát triển hơn nữa nhằm giảm thiểu những rủi ro trong tương lai.

Tiếp theo, phải kể đến những tiến bộ trong việc giảm thiểu những rủi ro hệ thống. Rủi ro hệ thống là sự rủi ro do những gián đoạn trong hoạt động của một mắt xích trong hệ thống nhưng có ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống tài chính. Ví dụ: việc thanh toán chậm của một cơ quan hoặc một khách hàng nào đó có thể gây ra một chuỗi những sự chậm trễ dây chuyền trong hoạt động của các cơ quan khác. Có thể nói rằng với sự đổi mới trong phương thức thanh toán, những sự chậm trễ như vậy đã giảm đi đáng kể, đặc biệt là từ khi phương pháp giao dịch trong hệ thống thanh toán của Ngân hàng trung ương Nhật Bản được thay đổi từ hệ thống *Thanh toán ròng theo thời gian định trước* (Designated-Time Net Settlement: DTNS) sang hệ thống *Thanh toán thô theo thời gian thực tế* (Real-Time Gross Settlement: RTGS) được thực hiện từ ngày 01-01-2001.

Việc thực hiện hệ thống RTGS đã làm thay đổi mức độ rủi ro trong thanh toán

của các cơ quan tài chính trên những khía cạnh như:

(1) Theo hệ thống RTGS, các quỹ ủy thác hoặc các công ty chứng khoán được ghi nợ ngay lập tức vào tài khoản ở Ngân hàng trung ương trên cơ sở nhận được yêu cầu chi trả. Điều này đã làm tăng nhu cầu kiểm tra, hướng dẫn thanh toán, và quản lý những cân đối trong ngày theo thời gian quy định. Kết quả là, các cơ quan tài chính với việc xử lý một khối lượng lớn các hoạt động giao dịch đã đưa vào sử dụng hệ thống kiểm soát thanh khoản, và đã có những tiến bộ hơn nữa trong việc thực hiện các hoạt động kinh doanh ở các văn phòng phía trước thông qua những văn phòng ở giữa và phía sau. Những tiến bộ này đã góp phần làm tăng hiệu quả của các hoạt động giao dịch tài chính.

(2) Việc thực hiện hệ thống RTGS đã giúp cho một số lượng lớn các cơ quan tài chính có thể cung cấp các dịch vụ thanh toán ngân quỹ cho các cơ quan khác để hưởng lệ phí hoặc hoa hồng. Một cơ quan tài chính cung cấp các dịch vụ như vậy sẽ sử dụng tiền từ tài khoản hiện tại của mình ở Ngân hàng trung ương để thanh toán cho khách hàng của một cơ quan tài chính khác khi nhận được yêu cầu của cơ quan này. Nếu không có đủ tiền trong tài khoản, phần thiếu sẽ được ngân hàng ủy thác đảm bảo.

Liên quan đến các biện pháp khẩn cấp các cơ quan tài chính nói chung đã thiết lập được một cách hoàn chỉnh các hệ thống quản lý thanh khoản để chuẩn bị cho sự đổ bộ từng phần chế độ bảo vệ che đậy đối với các khoản tiền gửi. Các cơ quan tài chính mà trước đó chưa chuẩn bị các biện pháp an toàn thanh khoản (ước tính khối lượng tiền mặt lớn nhất cần có

trong ngày và lập các phương án phân phối) hiện nay đã có sự tiến bộ lớn trong việc chuẩn bị vấn đề này. Họ đã tiến hành giảm bớt tài sản, đa dạng hoá các phương pháp cấp vốn, và thực hiện việc cấp vốn bằng ngoại tệ ở một chừng mực nào đó để đề phòng khả năng xấu có thể xảy ra trong các điều kiện tài chính. Kết quả là những khoản tiền cấp vốn lớn như được thấy ở Nhật Bản trong thời kỳ kinh tế “bong bóng” và thời kỳ khủng hoảng tài chính – tiền tệ (1997 – 1998) đã không còn nữa.

Về công tác kiểm tra và đánh giá, các cơ quan tài chính đã và đang tăng cường hệ thống kiểm tra nội bộ để xác định sự hoàn chỉnh của các hệ thống quản lý rủi ro trước yêu cầu của sự đa dạng hoá và sự phức tạp ngày càng tăng trong các hoạt động của họ. Các bộ phận kiểm tra của các cơ quan tài chính, đặc biệt là các ngân hàng chủ yếu đã bắt đầu: (1) thực hiện trên cơ sở thử nghiệm “cách tiếp cận dựa trên sự rủi ro” (risk-based approach) mà trong đó họ phân tích những rủi ro có liên quan đến hoạt động của rất nhiều bộ phận, kể cả các bộ phận phụ trách ngân quỹ và các hệ thống máy tính, và xác định tần số và các điểm cho sự kiểm tra một cách tương ứng; (2) kiểm tra tính thích hợp của các nguyên tắc nội bộ và đưa ra những đề nghị đối với các bộ phận có liên quan về việc xác lập những nguyên tắc mới, hoặc sửa lại các nguyên tắc hiện hành trên cơ sở các kết quả kiểm tra.

Nhằm giải quyết các khoản nợ xấu để cải thiện lợi nhuận, các cơ quan tài chính đã và đang giành sự ưu tiên cao nhất cho việc cải thiện hiệu quả hoạt động của các hệ thống quản lý tín dụng rủi ro của họ. Điều đáng nói là các cơ quan tài chính đã có nỗ lực rất lớn trong việc cải thiện chất lượng quản lý tín dụng, và cùng với họ

các công ty kinh doanh của mình. Hơn nữa, sự tăng cường cạnh tranh của các cơ quan tài chính, nhất là hiệu quả chi phí và cung cấp các dịch vụ tài chính đã được cải thiện nhằm đáp ứng nhu cầu của các công ty kinh doanh. Điều này đã góp phần tăng lợi nhuận và hiệu quả quản lý của các cơ quan tài chính và cải thiện chức năng tài chính gián tiếp trung gian của họ. Tuy nhiên, những việc mà họ đã làm được cũng mới chỉ dừng lại ở một mức độ nhất định. Kết quả của việc giải quyết nợ xấu sẽ được tăng cường hơn nữa, khi những tiến bộ trong việc cơ cấu lại các công ty kinh doanh được tiến hành song song với những cố gắng của các cơ quan tài chính nhằm đạt được sự cân đối thích hợp giữa rủi ro và lợi nhuận thu được.

*Thứ hai*, các cơ quan tài chính đã có những tiến bộ rất đáng kể trong việc kiểm soát những rủi ro thị trường phù hợp với sức mạnh tài chính của họ. Mặc dù mức độ của sự tiến bộ có khác nhau tùy thuộc vào loại cơ quan tài chính, song nhìn chung các ngân hàng thường đặt các giới hạn trên về mức độ của những rủi ro có thể xảy ra và những tổn thất có thể có đối với mỗi quyết định cho vay nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất do rủi ro nếu nó xảy ra. Các ngân hàng cũng đã và đang thiết lập những khung khổ cho việc quản lý rủi ro liên quan đến các cổ phần chéo bằng cách đặt ra những quy định về giới hạn trên của những rủi ro và quản lý các cổ phần trên cơ sở chú trọng đến sự cân đối giữa rủi ro và thu nhập. Kết quả là các ngân hàng ở Nhật Bản hiện nay đã rất quan tâm đến sự cần thiết phải giảm những rủi ro khi có sự dao động về giá cả liên quan đến việc nắm cổ phần chéo với mục đích đầu tư dài hạn.

Các cơ quan tài chính khác cũng đã bắt đầu thực hiện việc quản lý rủi ro thị trường phù hợp với khả năng tài chính của họ. Tuy nhiên, trong xu thế giảm lợi nhuận hiện nay, một số cơ quan tài chính vẫn đang thực hiện những đầu tư để thu lợi nhuận mà không đánh giá một cách đầy đủ những rủi ro thị trường có thể xảy ra. Những cơ quan này đã và đang đầu tư một cách tích cực vào các sản phẩm tài chính có độ rủi ro cao, kể cả các trái phiếu cơ cấu và các chứng khoán mà giá trị của chúng trên thị trường đã giảm đáng kể. Cũng có trường hợp do các hệ thống kiểm tra không được sử dụng một cách đầy đủ đã dẫn tới nhiều trường hợp rủi ro đáng tiếc xảy ra. Có thể nói rằng đây là một trong những nguyên nhân đã dẫn tới tình trạng nợ xấu ngày càng gia tăng ở nhiều cơ quan tài chính, trong khi các khoản nợ xấu cũ của họ chưa được giải quyết thì các khoản nợ xấu mới lại tiếp tục nảy sinh. Để giải quyết tận gốc vấn đề này, các cơ quan tài chính chỉ nên tham gia vào các hoạt động có rủi ro với mục đích cải thiện lợi nhuận khi đã có một hệ thống đánh giá rủi ro một cách đầy đủ và được áp dụng một cách có hiệu quả.

*Thứ ba*, trong những năm gần đây, các cơ quan tài chính Nhật Bản, đặc biệt là các ngân hàng chủ yếu, đã và đang tăng cường sự quản lý rủi ro hợp nhất trên nền tảng của: (1) Sự đa dạng hoá và sự phức tạp ngày càng tăng của những rủi ro cần được xử lý; (2) Sự cần thiết phải thay đổi các phương pháp quản lý của giai đoạn kinh tế "bong bóng" mà đã để lại hậu quả là vấn đề nợ xấu; (3) Sự nhận thức về yêu cầu của việc tăng cường hơn nữa hiệu quả của công tác quản lý. Hơn nữa, nhu cầu của việc tổ chức lại và hợp nhất nhằm tăng sức mạnh của các cơ quan tài chính

cũng đã buộc các cơ quan này phải thiết lập các tiêu chuẩn vững chắc và mục tiêu chung cho sự quản lý rủi ro của họ. Thêm vào đó, việc đưa ra Hiệp định vốn Basel mới dường như đã khích lệ các cơ quan tài chính nhìn nhận một cách nghiêm túc hơn vấn đề quản lý rủi ro hợp nhất.

Thực tế cho thấy, các hệ thống quản lý rủi ro hợp nhất đã và đang được đưa vào hoạt động một cách thuận lợi. Các ngân hàng chủ yếu đã thiết lập giới hạn của những rủi ro có thể được xử lý và những tổn thất có thể được bù đắp dựa trên cơ sở của khối lượng vốn cho vay; và đã thực hiện việc đánh giá vốn một cách đầy đủ trong sự liên hệ với mức độ của sự rủi ro. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần được tiếp tục giải quyết trong việc lượng hoá rủi ro. Cần nhấn mạnh rằng, việc phân phối vốn sao cho có thể bù đắp một cách đầy đủ những rủi ro liên quan đến mỗi ngành kinh doanh là một công việc khó khăn do đã tồn tại một khối lượng khổng lồ các cổ phần chéo phục vụ cho mục đích đầu tư dài hạn và vấn đề nợ xấu. Kết quả là, hệ thống quản lý rủi ro hợp nhất hiện nay chỉ được sử dụng một phần trong việc thiết lập chiến lược quản lý và đánh giá hoạt động kinh doanh. Người ta cũng hy vọng rằng, các cơ quan tài chính đã tiếp tục thiết lập một cách nhanh chóng các hệ thống quản lý hợp nhất để giải quyết những rủi ro mà sẽ ngày càng trở nên phức tạp hơn do sự củng cố và đa dạng hoá công việc kinh doanh của họ.

Một số lượng ngày càng tăng các cơ quan tài chính đang chuyển từng phần các hoạt động kinh doanh của họ, kể cả hệ thống máy vi tính, cho các công ty khác; hoặc phối hợp quản lý các trung tâm máy vi tính và các trung tâm giao dịch hành chính. Những việc làm này là nhằm đáp ứng các nhu cầu ngày càng đa

dạng của khách hàng, thích ứng với tiến bộ công nghệ, và giảm chi phí. Trong việc thực hiện chuyên các hoạt động kinh doanh ra ngoài và phối hợp quản lý, điều thiết yếu là các cơ quan tài chính đã và đang thiết lập các hệ thống mà trong đó những rủi ro liên quan đến các hoạt động kinh doanh được đánh giá và phân tích và sau đó được xử lý một cách thích hợp.

*Thứ tư*, những thay đổi về cơ sở hạ tầng hệ thống phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin (Italia) đã có những tiến bộ đáng kể. Số lượng các cơ quan tài chính áp dụng tiến bộ của Italia vào hoạt động kinh doanh của họ ngày càng tăng lên. Một ví dụ điển hình là việc gia tăng các hoạt động giao dịch trên Internet. Một số cơ quan tài chính đã bắt đầu thực hiện hoạt động trên mạng đối với các dịch vụ tài chính mà trước đó vẫn bị hạn chế ở quầy giao dịch trực tiếp. Hơn nữa, các cơ quan tài chính chuyên trách về các dịch vụ ngân hàng qua Internet đã được thiết lập và cung cấp các dịch vụ như thanh toán và chuyển vốn qua mạng với chi phí thấp hơn.

Các cơ quan tài chính cũng đang kiến lập một hệ thống vi tính mới với các đặc tính như "hub and spokes" (trung tâm và ngoại vi) cho phép xử lý dễ dàng và chính xác các giao dịch qua hệ thống vi tính ngày càng rộng khắp của các chi nhánh. Họ cũng đang tiếp tục đưa vào một cách tích cực việc xử lý trực tiếp trong hàng loạt các hệ thống vi tính nhằm tăng hiệu quả sử dụng và hạn chế những sai sót của con người.

Việc hợp nhất các hệ thống máy vi tính của các tập đoàn tài chính chủ yếu cũng đã và đang được triển khai và bước đầu đưa lại hiệu quả thiết thực. Với hàng loạt những thay đổi trong môi trường kinh doanh thì điều trở nên quan trọng đối với các cơ quan tài chính là quản lý những

rủi ro một cách thích hợp. Chính vì thế, các cơ quan này đã và đang chú trọng nhiều hơn vào việc đạt được sự an toàn và hiệu quả của những hệ thống máy vi tính phục vụ cho hoạt động kinh doanh của họ phù hợp với: (1) Sự củng cố trong các ngân hàng chủ yếu, (2) Sự phụ thuộc ngày càng chặt chẽ hơn vào IT, và (3) Sự mở rộng của mạng lưới các hoạt động kinh doanh tài chính.

Liên quan đến những rủi ro về thanh toán và xử lý, các cơ quan tài chính đã có sự hiểu biết sâu hơn về: (1) những điểm mới cần lưu ý đối với các hoạt động kinh doanh kể từ khi hệ thống thanh toán theo thời gian ròng thực tế (RTGS: real-time gross settlement) được thực hiện; và (2) sự cần thiết phải thiết lập các hệ thống cho phép chúng tiếp tục hoạt động, thậm chí trong trường hợp các văn phòng của chúng bị phá huỷ trong một tai hoạ nào đó.

Hiện nay, các tập đoàn tài chính chủ yếu đang trong giai đoạn cuối của việc hợp nhất các hệ thống máy vi tính. Mỗi tập đoàn đều đã có những chuẩn bị và tiến hành việc chạy thử, nhưng cũng vẫn tồn tại một số vấn đề trước và sau sự hợp nhất. Bởi vì các tập đoàn ngân hàng tham gia những công việc kinh doanh đa dạng và những hoạt động của họ có quan hệ với nhau, nên những trục trặc không mong đợi như sự không thể hoà mạng được vào hệ thống có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hệ thống thanh toán và xử lý dữ liệu ngân hàng nội bộ. Do đó, điều quan trọng là các ngân hàng phải có những giải pháp thích hợp để giảm những rủi ro trong hoạt động và đảm bảo sự an toàn và tiện lợi của các hệ thống vi tính của chúng. Để làm được điều này, các tập đoàn tài chính cần thực hiện một cách chính xác sự hợp nhất hệ thống như kế hoạch đã định, cố gắng giảm sự rủi ro trong giai đoạn chuyển đổi, và vạch ra các kế hoạch đối phó khi hợp nhất các hệ thống vi tính của họ.

Tuy nhiên, những thay đổi này trong cơ cấu hạ tầng hệ thống đã làm tăng khả năng của những rủi ro như: sự thâm nhập vào hệ thống máy vi tính một cách bất hợp pháp hoặc sự phá hoại của các virus đối với hệ thống máy vi tính. Hơn nữa, cần nhấn mạnh rằng sự trục trặc của một hệ thống có thể ảnh hưởng đến các hệ thống khác và những sự cố xảy ra trong các hệ thống chi nhánh cũng có thể cản trở hoạt động thanh toán và xử lý vốn cũng như các hoạt động ngân hàng thiết yếu khác. Do đó, các cơ quan tài chính cần chú trọng hơn nữa đến việc đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của các hệ thống máy tính bởi vì sự hoạt động tài chính ngày càng phụ thuộc chặt chẽ vào hệ thống này

Tóm lại, trên đây chỉ là một số kết quả chủ yếu của cuộc cải cách tài chính "Big Bang" ở Nhật Bản liên quan đến việc cải thiện chất lượng quản lý tín dụng của các cơ quan tài chính. "Big Bang" là một chương trình cải cách sâu sắc và toàn diện, cả về cơ cấu tổ chức cũng như hoạt động của toàn bộ hệ thống tài chính Nhật Bản. Những thành công của cuộc cải cách này trong lĩnh vực khác cũng rất đáng kể.

#### Tài liệu tham khảo:

Allen, F., and A. Santomero, "What do Financial Intermediaries Do?", *Journal of Banking and Finance*, 25, 2001.

BIS, Committee on the Global Financial System, "The Implications of Electronic Trading in Financial Markets," 2001.

Current Japanese Fiscal Conditions and Issues to be Considered, Ministry of Finance, July-2002.

Japanese Financial Institution's Efforts to Address Their Management Tasks, Quarterly Bulletin, Bank of Japan, 8-2002.

Online Banking Arrives in Japan: Lower Costs May Attract Customers, January 2001, <http://jin.jcic.or.jp/trends00/honbun/tj010109.html>